**Vốn chủ sở hữu là phần còn lại của tổng tài sản sau khi đã loại trừ tổng nợ phải trả. Vốn chủ sở hữu được xác định theo công thức sau: Vốn chủ sở hữu = Tổng tài sản - Tổng nợ phải trả .**

   Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu đều là nguồn vốn của đơn vị kế toán. tuy nhiên, giữa nợ phải trả và vốn chủ sở hữu có 2 điểm nổi bật khác biệt, đó là quyền lợi pháp lý của chủ nguồn vốn và bản chất kinh tế của 2 loại chủ nguồn vốn này.

   Các lưu ý khi kiểm tra các tài khoản thuộc khoản mục vốn chủ sở hữu và nợ phải trả:

**1.   Vay ngắn hạn, vay dài hạn.**

-    Không theo dõi chi tiết số tiền đã vay, lãi vay, số tiền vay đã trả (gốc và lãi vay), số tiền còn lại phải trả theo từng đối tượng cho vay, theo từng khế ước vay, từng mục đích vay.

-    Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng cho khoản mục vay không hợp lý và nhất quán. Không tính toán tiền lãi vay mà hạch toán trên cơ sở thông báo của ngân hàng.

-    Chứng từ gốc vay và chứng từ thanh toán không đầy đủ và hợp lệ. Khi vay không đầy đủ phiếu thu, giấy báo Có NH hoặc chứng từ thanh toán, khi thanh toán không có phiếu chi hoặc giấy báo Nợ NH hoặc những chứng từ này thiếu các yếu tố và chữ kí của những người có liên quan. Khế ước vay không ghi rõ thời hạn trả nợ.

-    Chênh lệch khế ước nhận nợ với chứng từ thu tiền, nhận hàng hóa, tài sản hay các nghiệp vụ trả lãi, trả nợ gốc với chứng từ thanh toán, chi tiền.

-    Công tác lưu trữ hồ sơ vay chưa hợp lí.

-    Hạch toán không đầy đủ và không chính xác lãi tiền vay phải trả trong năm theo hợp đồng vay vốn và khế ước nhận nợ.

-    Hạch toán vào chi phí vượt quá số tiền lãi vay phải trả thực tế trong năm.

-    Hạch toán tiền lãi vay vào các đối tượng chi phí chưa đúng quy định: hạch toán vào chi phí sản xuất chung mà không phản ánh vào chi phí tài chính.

-    Phân loại sai các khoản vay ngắn hạn sang vay dài hạn và ngược lại.

-    Quản lý và hạch toán tiền vay và tiền lãi vay chưa phù hợp: hạch toán lãi tiền vay vào chi phí XDCB hoặc tăng nguyên giá TSCĐ mà không hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính.

-    Ghi chép số liệu vay ngắn hạn, dài hạn chưa đầy đủ so với số thực tế phát sinh. Chưa hạch toán giảm tiền vay được xóa nợ.

-    Hạch toán lãi vay của đơn vị ngoài hoặc cán bộ công nhân viên vượt quá 1,2 lần lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay.

-    Chưa hạch toán hoặc hạch toán chưa đúng các khoản vay dài hạn nếu đến hạn trả sang nợ dài hạn đến hạn trả theo quy định tại 31/12 theo như kế hoạch trả nợ được ghi trong hợp đồng vay dài hạn.

-    Chưa kí hợp đồng vay vốn với cán bộ công nhân viên và chưa có bản đối chiếu khoản vốn vay của cán bộ công nhân viên.

-    Sử dụng vốn vay không đúng mục đích ghi trong hợp đồng vay.

-    Khả năng thanh toán các khoản vay của đơn vị thấp, đơn vị thường xuyên phải đảo nợ để thanh toán nợ vay đến hạn.

-    Nhầm lẫn giữa chi phí đi vay được vốn hóa và không được vốn hóa.

-    Chưa đánh giá lại số dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn bằng ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên NH tại thời điểm lập BCTC hoặc không theo tỷ giá thực tế tại thời điểm cuối năm.

-    Chưa đối chiếu số dư các khoản vay tại thời điểm 31/12. Số đối chiếu và số sổ sách có chênh lệch do chưa hạch toán lãi vay chưa trả được vào gốc vay.

-    Chưa tiến hành phân loại các khoản vay theo tuổi vay.

-    Những khoản nợ dài hạn được khoanh nợ nhưng chưa có đủ hồ sơ theo quy định. Đối với những khoản nợ đã quá hạn, Công ty chưa có kế hoạch trả nợ hoặc xin gia hạn bổ sung.

-    Không theo dõi chi tiết nguyên tệ riêng những khoản vay bằng ngoại tệ hoặc trả nợ vay bằng ngoại tệ.

-    Số liệu trên BCTC, sổ tổng hợp và sổ chi tiết không khớp nhau.

-    Trình bày không đúng đắn trên BCTC. Không thực hiện đúng nguyên tắc ủy quyền, phê chuẩn.

**2.    Phải trả người bán**

- Chưa có hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả (người bán,người cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ hoặc người nhận thầu xây lắp chính, phụ). Chưa thực hiện phân loại các khoản phải trả như phải trả cho bên thứ ba, phải trả tồn lâu ngày hoặc có vấn đ

- Công nợ phải trả quá hạn thanh toán (hoặc lâu ngày chưa được giải quyết).

- Chưa thực hiện đối chiếu hoặc đối chiếu chưa đầy đủ công nợ với người bán tại thời điểm cuối năm.

- Số dư công nợ phải trả trên sổ kế toán chênh lệch với biên bản đối chiếu công nợ phải trả nhưng chưa được xử lý.

- Các khoản phải trả bị hạch toán sai trong kì.

- Theo dõi công nợ chưa phù hợp: theo dõi trên hai mã cho cùng một đối tượng, không tiến hành bù trừ đối với các khoản công nợ của cùng một đối tượng.

- Không theo dõi chi tiết công nợ theo nguyên tệ đối với công nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

- Cuối kì , chưa đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch liên NH tại thời điểm lập BCTC.

- Phân loại sai nội dung các khoản phải trả khác vào các khoản phải trả người bán, không phân loại khoản phải trả thương mại và phi thương mại, hạch toán không đúng nội dung kinh tế.

- Không có bảng phân tích tuổi nợ để có kế hoạch thanh toán, các khoản nợ quá hạn chưa được thanh toán.

- Chưa hạch toán tiền lãi phải trả cho người bán nếu mua trả chậm.

- Không hạch toán giảm công nợ phải trả trong trường hợp giảm giá hàng bán hay được hưởng chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán.

- Hạch toán xuất nhập khẩu úy thác chưa đúng kì kế toán và theo dõi công nơi với đối tác nước ngoài chưa thích hợp.

- Quản lí và hạch toán công nợ phải trả chưa phù hợp và chặt chẽ. Những khoản công nợ phải trả không xác định được chủ nợ đã hạch toán tăng thu nhập khác, nhưng không đủ bằng chứng hợp lệ.

- Bù trừ số dư trả tiền trước cho người bán với số dư phải trả người bán không cùng đối tượng.

- Số liệu trên sổ tổng hợp và sổ chi tiết, bảng cân đối số phát sinh không khớp nhau và không khớp với hóa đơn, chứng từ gốc hoặc không khớp với thư xác nhận của Kiểm toán viên.

- Ghi nhận khoản phải trả không trên cơ sở hóa đơn chứng từ hoặc hóa đưn chứng từ không hợp lệ.

- Các khoản phải trả với bên thứ ba không có chứng từ hợp lệ, không được ghi chép, phản ánh, trình bày hoặc phản ánh không hợp lí.

- Số liệu trên sổ tiền mặt và tiền gửi NH với tổng phát sinh Nợ trên tài khoản phải trả không khớp nhau, có chênh lệch lớn.

- Việc thanh toán cho người bán bằng tiền mặt với giá trị lớn thông qua các nhân viên của Công ty thể hiện việc quản lý tiền mặt chưa chặt chẽ, có thể xảy ra rủi ro bất lợi cho Công ty hoặc dẫn đến sự chiếm dụng vốn của Công ty cho các mục đích cá nhân do nhận tiền không kịp thời hạn thanh toán.

- Không hạch toán lãi chậm trả trên những khoản phải trả quá hạn thanh toán.

- Chưa tiến hành xửa lí các khoản phải trả người bán không có đối tượng vào thu nhập khác.

- Trường hợp hàng về nhưng hóa đơn chưa về, đơn vị phản ánh chưa đúng về mặt giá trị và chưa điều chỉnh hoặc điều chỉnh không đúng khi có hóa đơn về.

- Thủ tục nhập kho báo sổ tiến hành chậm hơn so với bút toán trả tiền làm cho tại 31/12 TK331 có số dư Nợ nhưng thực chất đây không phải là khoản trả trước cho người bán.

- Khoản giao dịch với số tiền lớn không kí hợp đồng mua hàng với người bán.

**3. Thuế và các khoản phải nộp NSNN**

- Không theo dõi chi tiết từng khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp và đã nộp.

- Quản lí và hạch toán thuế GTGT đầu ra chưa đúng qui định: không viết hóa đơn khi bán hàng, áp thuế suất thuế GTGT đầu ra chưa đúng tỉ lệ, tính toán sai giá tính thuế.

- Hạch toán và kê khai thuế GTGT chưa đầy đủ, chưa phù hợp. Hạch toán khấu trừ thuế VAT đối với các hóa đơn không hợp lệ (thiếu mã số thuế, chữ kí của người mua…) hoặc hóa đơn gia tăng trực tiếp, hóa đơn chi từ nguồn KPCĐ, quỹ phúc lợi, khoản chi trả không phục vụ sản xuất… Hạch toán giảm VAT phải nộp và ghi tăng lợi nhuận đối với khoản được miễn, giảm thuế VAT.

- Quản lí và hạch toán thuế tài nguyên chưa phù hợp: không hạch toán vào TK627 mà hạch toán vào TK642, hạch toán thuế tài nguyên theo giá tạm tính khi chưa có thông báo giá tính thuế tài nguyên của Cục thuế địa phương.

- Cơ sở tính thuế tài nguyên chưa phù hợp: tính thuế tài nguyên trên giá gồm cả chi phí vận chuyển, bốc xếp, lưu kho bãi; không tính thuế tài nguyên khai thác trong kì nhưng chưa bán, tiêu dùng; tính thuế tài nguyên trên khối lượng tài nguyên khi chưa loại trừ hết tạp phẩm.

- Số dư trên TK 3331 (thuế GTGT phải nộp) trên BCTC có số dư âm do hạch toán khấu trừ thuế GTGT đầu vào vượt với số thuế đầu ra.

- Số liệu liệu thuế GTGT đầu ra trên sổ kế toán không khớp với số liệu trên tờ khai thuế và hóa đơn VAT (do kê khai sai, thiếu, trùng một số hóa đơn GTGT). Kê khai thuế không đúng số seri và ngày phát hành hóa đơn trên tờ khai thuế GTGT.

- Hạch toán sai các khoản thuế GTGT trong các trường hợp hàng bán trả lại, giảm giá hàng bán, tính VAT đầu ra đối với hàng hóa khuyến mại, quảng cáo, hội chợ triễn lãm thương mại.

- Hạch toán giảm trừ thuế VAT đầu ra phải nộp chưa hợp lệ: chưa có biên bản hủy hợp đồng khi đã xé hóa đơn rời cuống, chưa có ý kiến bằng văn bản của cơ quan thuế về việc này. Trường hợp mất hoặc thất lạc hóa đơn GTGT, đơn vị xử lý không đúng quy định và hạch toán sai nguyên tắc.

- Hàng hóa, dịch vụ không đủ điều kiện được coi là xuất khẩu vẫn áp dụng thuế suất 0%.

- Quản lý và hạch toán thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa phù hợp, tính sai giá tính thuế, áp sai thuế suất. Các nghiệp vụ hoàn thuế xuất nhập khẩu thiếu các chứng từ cần thiết và không phản ánh khoản hoàn thuế này trên số sách kế toán.

- Tính thuế cho những hàng hóa không thực diện chịu thuế xuất nhập khẩu như hàng chuyển khoản, nhập khẩu vào khu chế xuất, vận chuyển hàng quá cảnh viện trợ nhân đạo…

- Thuế xuất khẩu tính trên giá chưa tách chi phí vận tải, bảo hiểm…

- Nộp hộ thuế nhập khẩu cho đơn vị ủy thác nhưng chưa viết hóa đơn.

- Không tính thuế GTGT đầu ra đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ trong trường hợp tiêu dùng nội bộ (trả lương, thưởng cho công nhân viên) hay do trao đổi hàng hóa.

- Nhầm lẫn giữa các hàng hóa dịch vụ không chịu thuế GTGT với những hàng hóa dịch vụ chịu thuế suất 0%.

- Các khoản thuế sử dụng đất, thuế môn bài không hạch toán vào TK 333 mà hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì nộp tiền.

- Chưa hạch toán và kê khai thuế thu nhập cá nhân với nhân viên phải chịu thuế thu nhập cao, chưa khấu trừ tại nguồn theo Pháp lệnh về thuế đối với người có thu nhập cao.

- Hạch toán và nộp thuế thu nhập cá nhân cho một só cán bộ có thu nhập cao với số tiền cao hoặc thấp hơn số tiền thực tế phải nộp. Hạch toán thiếu thuế thu nhập cá nhân đối với các khoản chi hoa hồng, môi giới.

- Xác định thu nhập chịu thuế cá nhân không loại trừ khoản tiền nộp về BHXH, BHYT từ tiền lương của người lao động.

- Chưa xác định điều kiện ưu đãi được hưởng về thuế suất và năm miễn giảm thuế theo quy định tại Thông tư 128 và Nghị định 164.

- Chưa hạch toán số thuế phải nộp bổ sung trong năm. Nộp báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan thuế chậm so với thời gian quy định.

- Không hạch toán tiền thuê đất nhưng không có văn bản chính thức của cơ quan có thẩm quyền về việc miễn giảm tiền thuê đất. Chưa kí kết được hợp đồng thuê đất với Sở tài nguyên và môi trường của địa phương.

- Xác định mức thu nhập chịu thuế sai đối với thuế thu nhập doanh nghiệp do hạch toán các khoản chi phí hợp lí nhằm mục đích tính thuế chưa đúng quy định, ghi nhận sai các khoản doanh thu, thu nhập khác; tính giá vốn hàng bán chưa đúng kì hoặc không chính xác.

- Chưa tách thu nhập chịu thuế và thu nhập không chịu thuế.

- Chưa tổng hợp quyết toán thuế.

- Đơn vị không tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng quý với số tiền mà đơn vị đã kê khai.

- Đơn vị tiến hành chuyển lỗ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm nay nhưng chưa đăng kí chuyển lỗ với cơ quan thuế. Thuộc diện được ưu đãi miễn giảm thuế nhưng chưa lập hồ sơ xin miễn giảm thuế.

- Chưa hạch toán các khoản phạt, truy thu của cơ quan thuế vào chi phí khác.

- Thuế tồn đọng lâu ngày chưa được xử lí.

- Chưa xác định và hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm sau khi trừ số lỗ năm trước chuyển sang.

- Các khoản thuế sử dụng đất, thuế môn bài không hạch toán và TK 333 mà hạch toán và chi phí sản xuất kinh doanh trong kì.

**4. Lương và các khoản phải trả công nhân viên chức**

- Chưa có kế hoạch về tiền lương mà chỉ có kế hoạch trả lương cho công nhân viên.

- Chưa xây dựng quy chế trả lương có sự phê duyệt của người có thẩm quyền, cách thức tính lương, trả lương không nhất quán.

- Chưa đăng kí với Cơ quan thuế địa phương về tổng quỹ lương phải trả trong năm căn cứ vào phương pháp tính lương cùng với việc nộp tờ khai thuế TNDN.

- Xác định quỹ lương chưa có cơ sở.

- Chi quá quỹ tiền lương được hưởng.

- Sử dụng quỹ tiền lương chưa đúng mục đích.

- Xác định quỹ tiền lương không phù hợp với mức độ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, do đó hạch toán vào chi phí cao hơn hoặc thấp hơn số thực tế.

- Trích thiếu quỹ tiền lương theo đơn giá tổng công ty giao.

- Chưa thực hiện xác định và trừ lùi quỹ tiền lương khi Công ty không thực hiện được kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

- Quản lí và hạch toán tiền lương chưa phù hợp: trả lương cho cán bộ công nhân viên hạch toán trực tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh mà không hạch toán qua quỹ tiền lương theo quy định.

- Quyết toán lương chưa kịp thời. Thanh toán trả lương cho cán bộ công nhân viên chậm.

- Xuất hiện những bất thường và ngoại lệ về tiền lương của Ban lãnh đạo doanh nghiệp.

- Thanh toán lương khống: nhân viên khống, hồ sơ khống, nhân viên đã thôi việc tại đơn vị vẫn được trả lương. Khai tăng giờ làm thêm so với thực tế.

- Hạch toán tiền lương và các khoản trích vào lương không đúng kì.

- Hạch toán một số khoản có tính chất lương như tiền ăn ca, tiền làm thêm giờ… vào chi phí mà không qua TK 334.

- Chưa kí đầy đủ hợp đồng lao động với cán bộ công nhân viên theo quy định.

- Bảng chấm công và bảng thanh toán lương không đầy đủ chữ kí cần thiết như chữ kí của người nhận, của kế toán trường có hiện tượng kí nhận hộ.

- Chưa tiến hành khấu trừ vào lương đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại, tổn thất, vi phạm của công nhân viên.

- Thanh toán các khoản phụ cấp và các khoản khác ngoài lương chính không có chính sách cụ thể và không có quyết định của Giám đốc.

- Hạch toán tạm ứng lương vào TK 141 mà không hạch toán giảm khoản phải trả công nhân viên chức theo quy định.

- Không có hợp đồng với nhân viên tạm thời, làm việc theo thời vụ theo quy định.

- Các nghiệp vụ nâng lương không có quyết định nâng lương của các cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm gần nhất kèm theo.

- Hạch toán toàn bộ chi phí BHXH, BHYT, KPSĐ vào TH 622 mà không phân bổ cho các bộ phận bán hàng, quản lí doanh nghiệp, quản lí phân xưởng theo quy định.

- Số phát sinh trên sổ kế toán không trùng khớp với số liệu trên sổ lương của người lao động.

**5. Chi phí phải trả**

- Hạch toán những chi phí chưa phát sinh vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì khi chưa có bằng chứng hợp lí, đáng tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kì: chưa có hợp đồng vay, kế hoạch lương nghỉ phép, kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ.

- Trích trước vào chi phí những nội dung không được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh hoặc không trích trước chi phí lãi vay dài hạn trong kì,chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa vào chi phí phải trả trong kì.

- Chưa có quy định về trích trước vào chi phí phải trả hay kết chuyển các khoản này vào chi phí trong kì.

- Ghi nhận chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì không tương ứng với doanh thu. Chưa quyết toán các khoản chi phí phải trả với số chi phí thực tế phát sinh cuối niên độ kế toán, chưa xử lí số chênh lệch.

- Hạch toán vào TK này những nghiệp vụ không đúng nội dung tính chất của TK theo quy định. Hạch toán treo chi phí vào chi phí phải trả nhằm giảm chi phí trong năm để giấu lỗ.

- Chưa tiến hành trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm đúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ tài chính về trích lập, quản lí, sử dụng và hạch toán quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

- Số dư có biến động lớn qua các năm kề nhau mà không giải thích được nguyên nhân.

- Không kết chuyển phần chênh lệch đã trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì nhưng không chi hết để giảm chi phí phải trả.

- Không đánh giá lại chênh lệch tỷ giá ngoại tệ đối với chi phí phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm cuối năm.

**6. Phải trả nội bộ**

- Chưa tiến hành đối chiếu công nợ nội bộ ngày 31/2. Các khoản chênh lệch trên đối chiếu chưa được xử lí.

- Chưa bù trừ công nợ phải thu, phải trả nội bộ với cùng một đối tượng bù trừ nhầm đối tượng.

- Chưa mở sổ theo dõi chi tiết cho từng đối tượng có quan hệ thanh toán hay từng khoản phải nộp, phải trả.

- Hạch toán thiếu các khoản phải nộp cấp trên.

- Trả lãi vay phải thu, phải trả nội bộ nhưng không có hợp đồng, không có quyết định mức lãi suất nội bộ làm cơ sở xác định.

- Số liệu trên sổ kế toán đơn vị cấp dưới không khớp với sổ kế toán đơn vị cấp trên.

- Hạch toán không đúng tính chất TK, không đúng nội dung kinh tế phát sinh, hạch toán sai, không đầy đủ hoặc sái kì.

- Hạch toán tăng giảm phải trả nội bộ không có căn cứ đầy đủ, hợp lệ như phiếu thu,giấy báo Có NH hoặc phiếu chi, giấy báo Nợ NH hoặc trên các chứng từ này không ghi đủ các yếu tố và thiếu chữ kí cúa những người liên quan.

**7. Phải trả khác**

- Trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh cao hơn quy định.

- Bán hàng trả chậm, trả góp, doanh thu chưa thực hiện không hạch toán vào TK 3387 mà hạch toán vào TK 511.

- Một số khoản phải trả khác còn tồn tại từ các năm trước chuyển sang nhưng chưa được đối chiếu số dư cũng như chưa có biện pháp xứ lí.

- Một số tài sản thừa chờ xử lí hạch toán vào TK 338 nhưng chưa xác định rõ nguyên nhân hoặc chưa xử lí dứt điểm theo quy định, chưa xin quyết định của cơ quan có thẩm quyền ngày 31/12.

- Kết thúc đầu tư xây dựng cơ bản khoản chênh lệch lớn lãi về tỉ giá hối đoái chưa được kết chuyển sang TK 3387 để phân bổ dần.

- Các khoản phải trả, phải nộp khác không có đối tượng hoặc tồn đọng lâu từ nhiều năm trước chưa được xử lí.

- Các khoản phải trả không được phân loại hợp lí, đúng bản chất.

- Hạch toán khi không đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Doanh thu chưa thực hiện ở cuối kì kế toán xác định không đúng hoặc không có cơ sở ghi nhận, không phân bổ hợp lí.

- Các khoản doanh thu chưa thực hiện hạch toán không đúng kì hoặc đa hoàn thành nhưng chưa được kết chuyển sang doanh thu bán hàng hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

- Các khoản vay cá nhân có hợp đồng vay vẫn theo dõi trên TK338 mà chưa phân loại sang TK311.

- Chưa có đối chiếu với cơ quan BHXH. Số chênh lệch chưa được xử lí.

**8. Nợ dài hạn**

- Chưa xác định khoản nợ dài hạn nếu đến hạn trả để hạch toán kết chuyển sang TK315 theo quy định.

- Hạch toán trước tiền lãi TSCĐ thuê tài chính chưa đúng quy định.

- Số liệu phát sinh trên sổ kế toán không trùng khớp với bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả.

- Không theo dõi chi tiết các khoản nợ dài hạn theo từng hợp đồng, từng đối tượng…

- Các khoản nợ dài hạn phát sinh không được kí kết và thông qua quyết định của Ban Giám đốc.

- Không đánh giá lại số dư nợ dài hạn có gốc ngoại tệ theo tỉ giá bình quân liên NH tại thời điểm lập BCTC.

- Các khoản nộ dài hạn phát sinh không được kí kết và thông qua quyết định của Ban Giám đốc.

**9. Nợ dài hạn đến hạn trả**

- Cuối niên độ kế toán, đơn vị chưa xác định số nợ dài hạn đã đến hạn phải thanh toán trong niên độ kế toán tiếp theo và chuyển sang nợ dài hạn đến để có kế hoạch trả nợ.

- Chưa theo dõi chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả, số đã trả, số còn phải trả của nợ dài hạn đến hạn trả theo từng chủ nợ, từng hợp đồng vay.

- Chưa tiến hành theo dõi chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả bằng ngoại tệ cho từng ngoại tệ.

- Chưa đánh giá lại số dư nợ dài hạn đến hạn trả có gốc ngoại tệ theo tỉ giá bình quân liên NH tại thời điểm lập BCTC.

**10. Nhận kí quỹ, kí cược của khách hàng**

- Không theo dõi chi tiết từng khoản tiền nhận kí quỹ, kí cược của từng đối tượng khách hàng.

- Các khoản nhận kí quỹ, kí cược ngắn hạn, dài hạn không được phân loại thích hợp.

- Không theo dõi ở các TK ngoài bảng cân đối kế toán các trường hợp nhận kí quỹ, kí cược dài hạn bằng hiện vật.

- Không có chứng từ hợp lệ, đầy đủ khi nhận và hoàn trả các khoản kí quỹ, kĩ cược cho khách hàng.

- Số liệu trên sổ sách, chứng từ, thư xác nhận không khớp nhau.

- Các khoản tiền phạt vi phạm kí quỹ, kí cược chưa được xử lí.

- Không thực hiện đánh giá và hạch toán chênh lệch tỉ giá các nghiệp vụ, khoản phát sinh có gốc ngoại tệ.

**11. Nguồn vốn kinh doanh**

- Các khoản góp vốn, các nguồn vốn không được ghi chép và phân loại hợp lí.

- Không lập bảng tổng hợp nguồn vốn trong năm tài chính.

- Không theo dõi chi tiết theo từng nguồn hình thành và theo từng đối tượng góp vốn (tổ chức hoặc cá nhân).

- Hạch toán nguồn vốn kinh doanh chưa phù hợp, chưa đầy đủ.

- Kê khai khống nguồn vốn kinh doanh.

- Chưa hạch toán tăng, giảm nguồn vốn kinh doanh kịp thời (VD: tăng tài sản cố định hình thành từ quỹ nhưng không ghi tăng nguồn vốn kinh doanh).

- Số liệu trên sổ chi tiết và sổ cái không khớp nhau.

- Tính thiếu số thu sử dụng vốn để tăng nguồn vốn kinh doanh từ lợi nhuận do tính nguồn vốn bình quân năm chưa theo số bình quân tăng giảm theo tháng.

- Hạch toán tăng giảm nguồn vốn không có đầy đủ chứng từ gốc hoặc chứng từ gốc không hợp lệ, quyết định về cấp bổ sung vốn, điều chuyển vốn không có phê duyệt của các cấp có thẩm quyền, tăng giảm nguồn vốn Nhà nước khi chưa có quyết định điều chỉnh nguồn vốn chủ sở hữu của cấp có thẩm quyền (Tổng công ty, Bộ chủ quản) đối với doanh nghiệp đang thực hiện chuyển sang cổ phần.

- Khi phát hành cổ phiếu để ghi tăng nguồn vốn kinh doanh không phản ánh đúng giá trị thực tế của cổ phiếu được bán ra (giá gốc hoặc giá chênh lệch).

- Không giảm khoản thu sử dụng vốn để trích lập quỹ khen thưởng đảm bảo mức trích bằng hai tháng lương thực hiên theo quy định mặc dù sau khi phân phối lợi nhuận sau thuế, 2 quỹ này được trích thấp hơn 2 tháng lương thực hiện của đơn vị.

**12. Các quỹ 414,415,431, 451**

- Quỹ hình thành từ các nguồn không phù hợp theo chế độ quy định.

- Chưa hạch toán tăng, giảm các quỹ kịp thời và phù hợp với quyết định tăng giảm quỹ và chứng từ thu chi tiền hoặc hạch toán tăng giảm quỹ khi không có quyết định của Ban lãnh đạo Công ty, không có chứng từ hợp lệ, hợp pháp. Quyết định cấp quỹ không hợp lí.